

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ECC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ECC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ECC CONSTRUCTION CONSULTING  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109259258

**3. Ngày thành lập:** 09/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 12, Tòa nhà Kim khí Thăng Long, Số 1 phố Lương Yên, Phường Bạch Đằng,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                               | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                         | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                   | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                    | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                        | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                             | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                              | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                               | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                        | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                 | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                           | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...) | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                          | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                               | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                           | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                           | 4322        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.                                                                                                                                | 4329 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4390 |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                                                               | 4663 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4752 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933 |
| 25. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5022 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210 |
| 27. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc<br>- Hoạt động đo đạc và bản đồ<br>- Khảo sát xây dựng<br>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn quản lý dự án<br>- Thi công xây dựng công trình<br>- Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng | 7110 |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                            | 7410 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                            | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG KHÁNH  | Phòng 405 Nơ 2 Khu nhà ở Ba hàng A, đường Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.250.000  | 22.500.000.000        | 45,000    | 040087000116                                                                                |         |
|     |             |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                                 | Tổng số                   | 2.250.000  | 22.500.000.000        | 45,000    |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                               |                           |           |                |        |              |
|---|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 2 | ĐẶNG QUỐC TUẤN | P501-83B phố Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.250.000 | 22.500.000.000 | 45,000 | 001081001820 |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Tổng số                   | 2.250.000 | 22.500.000.000 | 45,000 |              |
|   |                |                                                                                               |                           |           |                |        |              |
| 3 | ĐẬU ĐỨC TUẤN   | Xóm Phú Hậu, Xã Đồng Văn, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông         | 500.000   | 5.000.000.000  | 10,000 | 186760472    |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                               | Tổng số                   | 500.000   | 5.000.000.000  | 10,000 |              |
|   |                |                                                                                               |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐẶNG KHÁNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *22/06/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *040087000116*

Ngày cấp: *28/08/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 405 Nơ 2 Khu nhà ở Ba hàng A, đường Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 405 Nơ 2 Khu nhà ở Ba hàng A, đường Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*